

The Saigon International
University



Khóa luận
tốt nghiệp

Thành phố Hồ Chí Minh - 2023

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ngành

LUẬT KINH TẾ

Đề tài

**PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KHOẢN
HOÀN CẢNH THAY ĐỔI CƠ BẢN
TRONG HỢP ĐỒNG VÀ THỰC TIỄN
THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM – LIÊN
HỆ VỚI PHÁP LUẬT MỘT SỐ NƯỚC**

Giảng viên hướng dẫn:

TS. NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Sinh viên:

TRẦN NGỌC BẢO TRÂN

MSSV: 97381901663



**The Saigon
International
University**

Lewis Campus

Email: admission@siu.edu.vn

Website: www.siu.edu.vn

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan khóa luận mang đề tài “*Pháp luật về điều khoản hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong hợp đồng và thực tiễn thực hiện ở Việt Nam – liên hệ với pháp luật một số nước*” là công trình nghiên cứu của tôi và được hoàn thành dưới sự hướng dẫn tận tình của Giảng viên Nguyễn Thị Thu Hương.

Toàn bộ số liệu và các nguồn tham khảo, đánh giá, trích luật trong bài khóa luận này là hoàn toàn trung thực, đều được ghi nguồn và chú thích tại phần mục lục tham khảo theo đúng quy định.

Mọi sao chép không hợp lệ, vi phạm bản quyền, quy chế đào tạo hay sai trái với cam kết tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

NGƯỜI CAM ĐOAN

TRẦN NGỌC BẢO TRÂN

LỜI CẢM ƠN

Kính thưa Quý Thầy Cô, quá trình hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp luôn là một giai đoạn vô cùng quan trọng đối với sinh viên. Bài khóa luận này chính là tiền đề giúp trang bị thêm kiến thức và kỹ năng để sinh viên có thể tự tin hơn khi bước vào đời lập nghiệp.

Lời nói đầu tiên, tôi xin chân thành cảm ơn Quý Thầy Cô tại Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn đã luôn giúp đỡ sinh viên trong suốt 4 năm đại học. Đặc biệt là TS. Nguyễn Thị Thu Hương đã luôn tận tình chỉ dạy, dẫn dắt và tạo điều kiện hết sức giúp tôi có thể hoàn thành tốt nhất bài khóa luận của mình.

Những đóng góp của giảng viên có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với bài khóa luận, bên cạnh đó còn là hành trang tiếp bước giúp tôi trên cả quãng đường dài sau này.

Lời cuối cùng, tôi xin kính chúc Quý Thầy Cô thật nhiều sức khỏe và luôn thành công trên con đường giảng dạy của mình.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	3
LỜI CẢM ƠN.....	4
NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN.....	5
MỤC LỤC.....	6
DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT.....	8
LỜI MỞ ĐẦU.....	9
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG KHI HOÀN CẢNH THAY ĐỔI CƠ BẢN VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT Ở VIỆT NAM.	13
1.1. Khái niệm và đặc điểm của “hoàn cảnh thay đổi cơ bản”.	13
1.1.1. Khái niệm về “hoàn cảnh thay đổi cơ bản”.	13
1.1.2. Đặc điểm của điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.	15
1.1.3. Ý nghĩa của điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.	17
1.2. Quy định pháp luật Việt Nam về điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.	18
1.2.1. Các căn cứ để xác định “Hoàn cảnh thay đổi cơ bản”.	18
1.2.2. Hệ quả pháp lý.	23
1.2.3. Phân biệt giữa điều khoản “Hoàn cảnh thay đổi cơ bản” và “Sự kiện bất khả kháng”.	26
1.2.4. Đánh giá quy định pháp luật về điều khoản Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản tại Việt Nam.	29
TIÊU KẾT CHƯƠNG I.....	30
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG KHI HOÀN CẢNH THAY ĐỔI CƠ BẢN VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI – BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM.....	31
2.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.	31

2.1.1. Thực trạng áp dụng pháp luật về điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản tại Việt Nam.....	31
2.1.2. Những ưu điểm khi áp dụng điều khoản thực thi hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.	33
2.1.3. Những khó khăn – bất cập trong áp dụng điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản và nguyên nhân.	35
2.2. Quy định về điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong pháp luật một số quốc gia và tập quán thương mại quốc tế.....	36
2.2.1. Quy định điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo pháp luật Đức.	39
2.2.2. Quy định về điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo pháp luật Italia.	40
2.2.3. Quy định về điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo Bộ nguyên tắc của UNIDROIT năm 2010.	41
2.2.4. Quy định về điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo Bộ nguyên tắc luật hợp đồng chung Châu Âu (PECL 1999- 2002).....	44
2.3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam khi áp dụng điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.	46
TIÊU KẾT CHƯƠNG II.....	47
CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP TRONG ÁP DỤNG ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG HOÀN CẢNH THAY ĐỔI CƠ BẢN THEO BỘ LUẬT DÂN SỰ 2015	48
3.1. Định hướng sửa đổi – bổ sung các quy định pháp luật về điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.	48
3.2. Kiến nghị sửa đổi – bổ sung các quy định của pháp luật về điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.	50
3.3. Kiến nghị đối với doanh nghiệp Việt Nam quy định về điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.	55
KẾT LUẬN	58
TÓM TẮT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA KHÓA LUẬN.....	61
MỤC LỤC THAM KHẢO	62

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

BLDS 2015	Bộ luật Dân sự năm 2015
PICC	Bộ nguyên tắc về hợp đồng thương mại quốc tế UNIDROIT
PECL	Bộ nguyên tắc của Luật Hợp đồng châu Âu
LTTTM 2010	Luật Trọng tài Thương mại năm 2010
QSĐĐ	Quyền sử dụng đất
GCNQSĐĐ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài.

Hợp đồng là chế định vô cùng quan trọng, là một trong những chế định pháp luật cổ xưa nhất, xuất hiện sớm nhất trong nội dung luật dân sự. Hầu hết các giao dịch, quan hệ hợp tác và phát triển trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay đa số đều xuất phát từ quan hệ hợp đồng. Là hình thức thể hiện sự cân bằng về lợi ích mà các bên thỏa thuận tại thời điểm giao kết, các bên thường dựa trên một số giả định làm cơ sở để tính toán hợp lý các lợi ích có thể nhận được từ việc ký kết hợp đồng. Lợi ích này có thể là lợi nhuận hoặc là một hình thức lợi ích kinh tế khác. Mục tiêu của pháp luật quy định về hợp đồng là bảo vệ quyền tự do ý chí của các bên, quyền tự do ý chí này chỉ bị hạn chế khi bảo vệ trật tự công hoặc để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bên thứ ba. Hợp đồng được thiết lập hợp pháp thì có hiệu lực pháp luật ràng buộc các bên, đồng nghĩa là một bên không được tự ý sửa đổi hoặc không tuân theo những điều khoản ràng buộc, pháp luật chính là cơ sở vững chắc để bảo vệ các bên trước sự vi phạm về hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khi các giả định về lợi ích không phù hợp do hoàn cảnh thay đổi, một bên hoặc các bên không thể tiếp tục đạt được kỳ vọng của mình. Trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự cân bằng về lợi ích của các bên khi giao kết đã thỏa thuận và dẫn đến việc nếu một bên phải tiếp tục thực hiện thì dẫn đến bị thiệt thòi so với bên còn lại. Đa phần các văn bản pháp luật quốc tế hay các quốc gia trên thế giới đều ghi nhận trường hợp thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi. Theo đó, các bên được đàm phán lại; thay đổi một số điều khoản của hợp đồng; nếu đủ điều kiện có thể được miễn trách nhiệm do vi phạm hợp đồng. Đó là trường hợp về điều khoản “Bất khả kháng (Force Majeure Clause)” và trường hợp “Hoàn cảnh thay đổi cơ bản (Hardship)”¹. Điều khoản Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản được xem

¹Trần Thanh Tâm và Nguyễn Minh Hiền (2017), *Điều khoản Hardship trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế*, Thế giới Luật, từ <https://thegioiluat.vn/bai-viet-hoc-thuat/dieu-khoan-Hardship-trong-hop-dong-mua-ban-hang-hoa-quoc-te-5789/>, truy cập ngày 21/6/2023.

như sự thay đổi kịp thời trong chế định hợp đồng, là bước tiến mới mẻ trong tiến trình lập pháp.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi, thúc đẩy giao lưu dân sự cũng như đảm bảo sự ổn định của các giao dịch dân sự. BLDS 2015 đã có những bước tiến quan trọng đặc biệt là sửa đổi trong chế định hợp đồng. BLDS 2015 đã bổ sung quy định “Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản” (tại Điều 420). Trong đó quy định các dấu hiệu xác định hoàn cảnh thay đổi cơ bản và cơ chế thực hiện quyền yêu cầu sửa đổi, chấm dứt hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản xảy ra. Quan hệ hợp đồng không phải là bất biến mà ngày càng mang tính chất của một quá trình và chứa nhiều loại rủi ro. Và trong nhiều trường hợp, do sự thay đổi của hoàn cảnh mà dẫn đến một bên trong hợp đồng sẽ phải gánh chịu những bất lợi quá mức khi buộc phải tiếp tục thực hiện hợp đồng. Với mục tiêu tìm hiểu rõ và phân tích sâu sắc hơn tại điều khoản trên, không chỉ dừng lại việc liên hệ thực tiễn mà còn liên hệ với pháp luật của các quốc gia trên thế giới nhằm nghiên cứu và nhận xét một chi tiết về điều khoản này, đó là lý do tôi chọn đề tài: *“Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo pháp luật Việt Nam, kinh nghiệm và kiến nghị hoàn thiện theo pháp luật quốc tế và một số quốc gia trên thế giới”* làm đề tài bài khóa luận tốt nghiệp của chính mình.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu.

Mục đích nghiên cứu của đề tài là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về điều khoản thực hiện của hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi, trên cơ sở, chỉ ra một số vướng mắc có thể phát sinh và những kiến nghị trong thực tiễn áp dụng quy định thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo BLDS 2015. Để đạt được mục đích trên việc nghiên cứu đề tài có nhiệm vụ sau:

(i) Nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý luận về hiệu lực của hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản, ý nghĩa của việc thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

(ii) Phân tích những khía cạnh cơ bản về các điều kiện cấu thành và hậu quả pháp lý của điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản, đặc biệt liên quan

đến vấn đề cơ chế thực hiện quyền yêu cầu sửa đổi, chấm dứt hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản được xác lập theo pháp luật Việt Nam cũng như pháp luật quốc tế.

(iii) Chỉ ra một số vướng mắc có thể phát sinh và những kiến nghị trong thực tiễn áp dụng quy định thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo BLDS 2015.

3. Đối tượng nghiên cứu của đề tài.

Khóa luận nghiên cứu các quy định về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong BLDS Việt Nam 2015.

Lý luận chung về hoàn cảnh thay đổi cơ bản và thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản từ đó làm tiền đề cho việc nghiên cứu các quy định cũng như thực tiễn thi hành pháp luật Việt Nam.

Các quy định của pháp luật hiện hành trên cơ sở so sánh với pháp luật một số quốc gia, trong đó tập trung nghiên cứu quy định về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản tại Điều 420 BLDS 2015.

4. Phạm vi nghiên cứu.

Khóa luận tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về các vấn đề liên quan đến điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản chủ yếu trong kinh doanh, thương mại và dân sự. Vì vậy, khóa luận sẽ không đề cập đến các loại hợp đồng khác cũng như không đề cập đến mọi khía cạnh của hợp đồng nói chung.

5. Phương pháp nghiên cứu.

Bài luận được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của nền tảng triết học Mác-Lênin và những vấn đề khoa học về các quan điểm, mục tiêu, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Các phương pháp cụ thể như sau:

(i) Phương pháp tổng hợp, hệ thống hóa được tập trung sử dụng trong phân tổng quan tình hình nghiên cứu, nhằm hệ thống hóa các công trình khoa học nghiên cứu về lĩnh vực hợp đồng chủ yếu là điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản và đánh giá, kết luận ở mỗi nội dung;

(ii) Phương pháp mô tả, phân tích, đây là phương pháp được áp dụng trong toàn bộ nội dung của bài luận nhằm luận giải, làm sáng tỏ các vấn đề lý luận, phân tích các nội dung từ đó đưa ra những nhận định, đánh giá mang tính kết luận;

(iii) Phương pháp so sánh được sử dụng chủ yếu tại chương 2 khi nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực trạng pháp luật đồng thời liên hệ với pháp luật một số quốc gia.

6. Bố cục trình bày bài luận.

Ngoài mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung bài khóa luận gồm 03 chương với nội dung chính:

Chương 1: Lý luận chung về điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản và quy định pháp luật Việt Nam.

Chương 2: Thực trạng áp dụng pháp luật Việt Nam về điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản và quy định pháp luật của một số quốc gia trên thế giới – bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Chương 3: Một số kiến nghị và giải pháp trong áp dụng điều khoản thực hiện hợp đồng hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo Bộ luật Dân sự 2015

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG KHI HOÀN CẢNH THAY ĐỔI CƠ BẢN VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT Ở VIỆT NAM

1.1. Khái niệm và đặc điểm của “hoàn cảnh thay đổi cơ bản”.

1.1.1. Khái niệm về “hoàn cảnh thay đổi cơ bản”.

Hợp đồng là một trong những phương tiện pháp lý chủ yếu để cá nhân, tổ chức trao đổi lợi ích nhằm thỏa mãn các nhu cầu nhân sinh. Song song đó, hợp đồng còn đóng vai trò quan trọng trong quá trình vận hành nền kinh tế, đó là hình thức pháp lý cơ bản của trao đổi hàng hóa trong xã hội. Bản chất hợp đồng được tạo ra bởi sự thỏa thuận của các bên, là kết quả của quá trình thương thảo và thống nhất ý chí giữa các bên để phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền và nghĩa vụ với nhau (trừ những quyền và nghĩa vụ mà pháp luật có quy định không thể thay đổi hoặc chấm dứt bằng thỏa thuận giữa các bên). Một nội dung cơ bản của nguyên tắc sau khi giao kết hợp đồng là các bên buộc phải thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết. Tuy nhiên trên thực tế, vì những lý do khách quan hoặc chủ quan, một hoặc các bên không thể thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng do hoàn cảnh thay đổi cơ bản làm cho mục đích giao kết ban đầu của hợp đồng bị ảnh hưởng, dẫn đến tình trạng xung đột lợi ích giữa các bên và đặc biệt là bên thiện chí phải gánh chịu những thiệt hại không đáng có. Để đảm bảo lợi ích và nhằm phân chia cụ thể, hợp lý về rủi ro và tái lập sự cân bằng của hợp đồng, các doanh nghiệp thương mại quốc tế đã đưa vào hợp đồng của họ một điều khoản cụ thể cho phép bên gặp khó khăn đặc biệt được yêu cầu bên còn lại đàm phán lại hợp đồng. Điều khoản này được gọi là “điều khoản đàm phán lại hợp đồng” dựa trên nguyên tắc trung thực, thiện chí khi có sự thay đổi lớn do hoàn cảnh dẫn đến khó khăn, đặc biệt trong việc thực hiện hợp đồng². Điều khoản này được gọi ngắn gọn là “Hardship clause” hay “change of circumstances”. Trên bình diện quốc tế, điều khoản này đã được công nhận và xuất hiện rộng rãi trong luật

² Lê Minh Hùng (2009), *Điều khoản điều chỉnh hợp đồng do hoàn cảnh thay đổi trong pháp luật nước ngoài và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp 6.

thực định, thực tiễn thương mại, thực tiễn xét xử của nhiều quốc gia, cũng như trong các bộ nguyên tắc tập quán thương mại quốc tế³.

Về mặt lý thuyết, khái niệm “Hardship” xuất hiện vào thực tiễn thương mại những năm 1960 và được trình bày lần đầu tiên trong các nghiên cứu của Marcel Fontaine in trong quyển “*Pháp luật hợp đồng quốc tế*” xuất bản năm 1989⁴, các văn bản pháp luật quốc tế về hợp đồng như: PECL (Principles of International Commercial Contracts) hay PICC (Principles of International Commercial Contracts) và có nhiều tên gọi cho điều khoản này, ví dụ như “hardship”; “commercial impracticability”; “frustration of purpose” hay “change of circumstances”. Tuy nhiên thuật ngữ “hardship” được sử dụng trong PICC đã được chấp nhận rộng rãi trong thực tiễn thương mại quốc tế.

Thuật ngữ “Hoàn cảnh thay đổi cơ bản” cho đến nay vẫn chưa có sự thống nhất trong cách hiểu mà phần lớn là sự tiến hành phân tích các nghiên cứu và xác định sự tồn tại của hoàn cảnh thông qua các nghiên cứu của hệ thống pháp luật đã có từ trước. Thực chất, BLDS 2015 không đưa ra khái niệm mang tính khái quát về định nghĩa “Hoàn cảnh thay đổi cơ bản”, tuy nhiên, có thể dựa vào nội dung của điều khoản và việc vận dụng để đưa ra khái niệm như sau: “Hoàn cảnh thay đổi cơ bản được hiểu là trường hợp xảy ra các sự kiện làm cho lợi ích cân bằng của các bên trong hợp đồng thay đổi. Đó có thể là sự tăng lên về nghĩa vụ phải thực hiện hay việc giảm trừ về quyền lợi được nhận”. Như vậy, thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản chính là việc “một bên thực hiện nghĩa vụ hợp đồng với bên còn lại trong trường hợp xảy ra các sự kiện làm lợi ích của bên đó bị mất cân bằng, có sự thay đổi về việc tăng lên của nghĩa vụ thực hiện hoặc quyền lợi nhận được bị giảm”⁵. Nội dung cụ thể về hiệu lực của hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản sẽ được phân tích qua pháp luật một số quốc gia và các bộ nguyên tắc về hợp đồng thương mại quốc tế.

³ Lê Minh Hùng (2015), *Điều khoản sửa đổi hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi: khái niệm và nội dung cơ bản*, Hiệu lực của hợp đồng, tr. 225.

⁴ Draetta, Ugo, *Điều khoản về trường hợp bất khả kháng và điều khoản về Hardship trong hợp đồng quốc tế*, Kỳ yếu hội thảo “Hợp đồng Thương mại Quốc tế”, Nhà Pháp luật Việt – Pháp, H, ngày 13, 14/12/2004, tr. 181- 2.

⁵ Lê Khánh Hà (2020), *Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản: lý luận, thực tiễn, giải pháp*, Luận văn Thạc sĩ, chuyên ngành Luật Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1.2. Đặc điểm của điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

Một là, trường hợp được áp dụng khi có những sự kiện khách quan xảy ra làm thay đổi căn bản hoàn cảnh của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng. Mặc dù, hoàn cảnh thay đổi cơ bản tồn tại một số yếu tố tương tự như sự kiện “bất khả kháng”, nhưng khác biệt lớn nhất với bất khả kháng là khả năng vẫn có thể tiếp tục thực hiện hợp đồng của các bên. Nội hàm những quy định về hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong các văn bản pháp luật quốc tế về hợp đồng đều có nhiều điểm tương đồng với sự kiện “bất khả kháng”⁶. Theo đó, các trường hợp xảy ra chính là các sự kiện diễn ra một cách khách quan, không do lỗi chủ quan của bất kỳ bên nào (như: thiên tai, dịch bệnh; có hành vi tội phạm diễn ra...), sự kiện xảy ra hoặc được bên bị thiệt hại biết đến sau khi ký hợp đồng, bên bị bất lợi đã không tính đến các sự kiện đó một cách hợp lý khi ký kết hợp đồng, các sự kiện nằm ngoài sự kiểm soát của bên bị bất lợi. Tuy nhiên, trong quy định về “Hardship” hay “change of circumstances”, có thêm nội dung “*rủi ro về các sự kiện này không được bên bị bất lợi gánh chịu*”, nội dung trên mang tính chất ràng buộc nghĩa vụ đến cùng đối với bên bị bất lợi. Trường hợp thực tế, một bên đã phòng ngừa trước và đưa ra phần rủi ro vào trong nội dung hợp đồng, chấp nhận nó để hưởng lại quyền lợi tương đương với bên còn lại thì khi xảy ra trường hợp liên quan đến phần rủi ro đó, bên bị bất lợi không được viện dẫn sự khó khăn mà mình đang gặp phải và buộc tiếp tục thực hiện hợp đồng. Ở đây có một vài điểm cần lưu ý, sự kiện bất khả kháng và hoàn cảnh thay đổi cơ bản là hai phạm trù riêng biệt, chỉ trùng với nhau ở một số đặc điểm về bản chất của sự kiện khách quan hay tính không lường trước của các chủ thể trong lúc giao kết hợp đồng, nhưng về hậu quả pháp lý và khả năng thực hiện tiếp tục hợp đồng của hai trường hợp này là hoàn toàn khác nhau.

Hai là, khi có hoàn cảnh thay đổi cơ bản xảy ra thì đồng nghĩa việc mất cân bằng giữa nghĩa vụ phải thực hiện với quyền và lợi ích hợp pháp mà các bên đáng lẽ sẽ được hưởng trong quan hệ hợp đồng nếu không có hoàn cảnh thay đổi cơ bản xuất hiện. Rõ

⁶ Điều 7.1.7, Chương 7, PICC.

ràng khi tham gia vào giao kết hợp đồng, các bên đều mong muốn đạt được một lợi ích nào đó tương xứng với sự hài hòa với phần nghĩa vụ mà mình phải thực hiện, điều đó hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc *Rebus sic stantibus*⁷ được đặt ra trong các quy định pháp luật hay trong mối liên hệ giữa các chủ thể có gắn liền với quyền và lợi ích đối với các bên.

Ba là, không phải tất cả các nghĩa vụ quy định trong nội dung hợp đồng đều sẽ được chấp nhận đối với trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Mặc dù nội dung liên quan đến hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong văn bản không quy định rõ ràng về nguyên tắc này nhưng cần hiểu rõ một vấn đề đó là nội dung hợp đồng có thể chia ra thành nhiều phần nghĩa vụ để thực hiện và nhận lại quyền lợi tương ứng theo phần chứ không ràng buộc các bên phải thực hiện cùng một lúc các nghĩa vụ và quyền đối ứng. Nếu có sự thay đổi cơ bản làm mất đi thế quân bình của hợp đồng xảy ra vào thời điểm khi công việc chỉ được thực hiện một thì hoàn cảnh khó khăn chỉ được áp dụng đối với những phần chưa thực hiện của hợp đồng.

Bốn là, hậu quả pháp lý, khi đã xác định trên thực tế các điều kiện về hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì bên bị bất lợi có quyền yêu cầu tiến hành đàm phán lại hợp đồng, việc yêu cầu đàm phán lại phải thỏa mãn các điều kiện đảm bảo không ảnh hưởng một cách cơ bản đến quan hệ hợp đồng hiện tại (sự thông báo không được chậm trễ với bên còn lại, đồng thời bên bị bất lợi không được phép tạm đình chỉ thực hiện hợp đồng). Nếu các bên không thể thỏa thuận được việc đàm phán lại hợp đồng trong thời hạn hợp lý thì một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài giải quyết dựa trên diễn biến thực tế về hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Tòa án hoặc Trọng tài sẽ xem xét và đưa ra các hướng giải quyết hợp lý như chấm dứt hợp đồng theo điều kiện và thời điểm do Tòa án ấn định hoặc sửa đổi nhằm thiết lập lại sự cân bằng về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

⁷ *Clausula Rebus sic stantibus*

1.1.3. Ý nghĩa của điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

Thứ nhất, quy định về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản giúp quan hệ hợp đồng của các bên giữ được tính bền vững, ổn định lâu dài. Khi xảy ra trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản thì bên bị bất lợi sẽ rất dễ rơi vào tình trạng thoái lui, cố tình viện dẫn những lý do khó khăn, trở ngại của mình để trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ. Việc quy định về hoàn cảnh thay đổi cơ bản cho phép các bên có điều kiện ngồi lại cùng đàm phán nhằm thay đổi nội dung hợp đồng để tiếp tục duy trì cũng như đảm bảo quyền và nghĩa vụ đối với các bên.

Thứ hai, quy định về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản còn là công cụ hữu hiệu cho việc đàm phán lại hợp đồng giữa các bên. Việc xuất phát điểm trong quan hệ hợp đồng là các bên luôn phải tuân thủ các nguyên tắc, điều kiện kèm theo nhưng hoàn cảnh khách quan lại dễ dàng tác động làm cho nội hàm các nguyên tắc không còn giữ được tính nguyên bản vốn có. Do đó, việc đàm phán lại hợp đồng chính là công cụ hữu hiệu để các nguyên tắc luôn được đảm bảo, phù hợp với tình hình thực tiễn.

Thứ ba, quy định về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản là sự bổ sung cần thiết nhằm mở rộng các khả năng điều chỉnh hợp đồng sau khi ký kết nhằm đảm bảo một cách tương đối công bằng về quyền và lợi ích hợp pháp của các bên mà chưa đến mức miễn trách nhiệm. Vì trước khi có sự xuất hiện của điều khoản này, người ta thường chung quy tất cả trường hợp là sự kiện bất khả kháng để làm tiền đề cho lý do không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng làm tính công bằng của hợp đồng bị mất đi, đồng nghĩa đã đi ngược lại với các nguyên tắc cơ bản vốn có của hợp đồng (nguyên tắc thiện chí⁸), vì thế sự xuất hiện của hoàn cảnh thay đổi cơ bản góp phần vào việc vận dụng quy định pháp luật của các chủ thể trở nên linh hoạt hơn.

⁸ Trần Kiên và Nguyễn Khắc Thu (1/ 2019), *Khái niệm hợp đồng và những nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 2, tr. 45 -55.

1.2. Quy định pháp luật Việt Nam về điều khoản thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

1.2.1. Các căn cứ để xác định “Hoàn cảnh thay đổi cơ bản”.

Theo Khoản 1 Điều 420 BLDS (Bộ luật Dân sự) năm 2015, hoàn cảnh thay đổi cơ bản khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Sự thay đổi hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng;*
- b) Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên không thể lường trước được về sự thay đổi hoàn cảnh;*
- c) Hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác;*
- d) Việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên;*
- đ) Bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích.”*

Một là, sự thay đổi hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng. Thuật ngữ “nguyên nhân khách quan” chưa có khái niệm hay một văn bản pháp luật nào đề cập đến, tuy nhiên, khi xem xét tính khách quan của sự vật hoặc sự việc được thừa nhận, xác nhận thông qua một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam thì có thể định nghĩa như sau: tính khách quan là một loại bản chất tự nhiên, không chứa đựng tính chủ quan hay yếu tố lỗi trong đó. Như vậy, nguyên nhân khách quan được hiểu là những nguyên nhân xuất phát từ tự nhiên, không phụ thuộc hay bị chi phối hoặc được tạo ra bởi bất kỳ ý chí hay hành vi chủ quan nào và gây nên những biến động không chỉ về mặt kinh tế mà còn các yếu tố liên quan đến chính trị, pháp luật. BLDS không có quy định rõ về nguyên nhân khách quan được hiểu như thế nào nhưng thông thường, yếu tố khách quan này được đánh giá trong mối quan hệ với bên thực hiện hợp

đồng nhưng có thể tham khảo một số sự kiện mà ICC (International Chamber of Commerce) liệt kê trong điều khoản mẫu về hoàn cảnh thay đổi cơ bản: chiến tranh (bất kể được tuyên bố hay không), xung đột quân sự hoặc đe dọa xảy ra tương tự, chiến sự, xâm lược;... Hành động khủng bố, phá hoại hoặc cướp giết. Hành động của cơ quan có thẩm quyền bất kể hợp pháp hay không, luật hoặc mệnh lệnh, quy tắc, chỉ đạo Chính phủ, lệnh giới nghiêm, trưng thu, trưng dụng, quốc hữu hóa; bệnh dịch, thiên tai như bão, lốc xoáy, động đất, hạn hán... Để được xem là sự kiện xảy ra một cách khách quan thì sự kiện này phải vượt ngoài tầm kiểm soát của bên phải thực hiện hợp đồng và đây có thể là sự kiện như thiên tai nhưng cũng có thể là do con người gây ra như hành động từ một người thứ ba. Mặt khác, các nguyên nhân mang tính khách quan ở trường hợp này được xác định hoàn toàn giống với “sự kiện khách quan” được đề cập trong trường hợp xác định về “sự kiện bất khả kháng”⁹.

Hai là, tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên không thể lường trước được về sự thay đổi hoàn cảnh. Tại các điểm (a) và (b) Khoản 1 Điều 420 BLDS 2015 có đề cập đến hai thời điểm liên quan đến hành vi giao kết hợp đồng của các bên, đáng lưu ý đó là “sự thay đổi hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi liên kết hợp đồng” và “tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên không thể lường trước được về sự thay đổi hoàn cảnh”. Tuy có hai thời điểm được đề cập trong nội dung quy định nhưng về nội hàm điều thống nhất khẳng định rằng các bên trước hoặc sau khi giao kết hợp đồng ngay tại thời điểm giao kết phải hoàn toàn cân bằng về vị thế hoàn cảnh không thể lường trước được rằng mình sẽ lợi thế hơn bên còn lại khi có sự thay đổi hoàn cảnh trong mối quan hệ hợp đồng này. Nghĩa là, sự thay đổi của hoàn cảnh nằm ngoài ý chí và khả năng tính toán trước của các bên. Quy định này cũng thể hiện tính khách quan của sự thay đổi hoàn cảnh thực hiện hợp đồng. các thời điểm liên quan đến việc giao kết hợp đồng giữa các bên.

Ba là, hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác. Nếu một

⁹ Khoản 1, Điều 156, BLDS 2015

bên có khả năng lường trước hay biết trước về sự thay đổi thì hoàn cảnh đó cho dù bắt nguồn từ nguyên nhân khách quan thì cũng không thỏa mãn các điều kiện của hoàn cảnh thay đổi cơ bản¹⁰. Thời điểm hợp đồng được giao kết khi bên đề nghị nhận được chấp nhận của bên giao kết và tùy thuộc vào hình thức hợp đồng bằng văn bản, bằng lời nói hay thỏa thuận im lặng đều là sự trả lời chấp nhận giao kết. Cụ thể, trường hợp các bên có thỏa thuận im lặng là sự trả lời chấp nhận khi giao kết hợp đồng trong một thời hạn thì thời điểm giao kết hợp đồng là thời điểm cuối cùng của thời hạn đó. Thời điểm giao kết hợp đồng bằng lời nói là thời điểm các bên đã thỏa thuận về nội dung của hợp đồng. Thời điểm giao kết hợp đồng bằng văn bản là thời điểm bên sau cùng ký vào văn bản hay bằng hình thức chấp nhận khác được thể hiện trên văn bản. Trường hợp hợp đồng giao kết bằng lời nói và sau đó được xác lập bằng văn bản thì thời điểm giao kết hợp đồng là thời điểm các bên đã thỏa thuận về nội dung của hợp đồng¹¹. Tại điểm (c) Khoản 1 Điều 420 BLDS 2015 yêu cầu hoàn cảnh thay đổi cơ bản phải là hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác. Hoàn cảnh thực hiện hợp đồng có thể bao gồm rất nhiều yếu tố và điều kiện khách quan khác nhau, nhưng chỉ các thay đổi đối với cơ sở là nền tảng cho việc các bên giao kết hợp đồng mới có thể được xem là hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Có thể hiểu đây là những thay đổi khiến các bên không đạt được mục đích chính khi giao kết hợp đồng. Đối với hầu hết các hợp đồng thương mại thì mục đích chính là khi giao kết hợp đồng là tạo ra lợi nhuận hoặc một lợi ích kinh tế mà các bên đều mong muốn đạt được¹².

Ví dụ trường hợp khi A và B ký kết hợp đồng vận chuyển tài sản bằng tàu biển X. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, chiếc tàu biển X bị đắm ngoài khơi do bão nhưng chưa được báo về kịp lúc nên các bên đều không biết. Mặc dù có thể các bên không nhận được thông tin chiếc tàu bị đắm vào thời điểm giao kết nhưng việc xảy ra bão lốc làm chiếc tàu bị đắm lại không được xem là không lường trước được bởi lẽ các bên hoàn toàn có

¹⁰ Điểm b, Điểm c, Khoản 1 Điều 420 BLDS 2015

¹¹ Điều 400 BLDS 2015

¹² Trương Nhật Quang (2016), Pháp luật về hợp đồng: Các vấn đề pháp lý cơ bản, Nhà xuất bản Dân Trí, tr. 452.